

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học Máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Hồng Phương

2. Ngày tháng năm sinh: 20/10/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 207, nhà C4, Đô thị Mỹ Đình I, Tổ dân phố số 11, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Lê Hồng Phương, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 334 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0969001480;

E-mail: phuonglh@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,2002 đến tháng, năm 08,2005: Học viên cao học Khóa 9 tại Viện Tin học Pháp ngữ (Institut de la Francophonie pour l'Informatique -- IFI)

Từ tháng, năm 09,2006 đến tháng, năm 08,2010: Nghiên cứu sinh tại Đại học Lorraine

Từ tháng, năm 09,2010 đến tháng, năm 08,2011: Nghiên cứu viên và trợ giảng viên tại Đại học Lorraine và Viện Tin học và Tự động hóa Quốc gia (INRIA Lorraine)

Từ tháng, năm 11,2012 đến tháng, năm 12,2012: Học viên phương pháp giảng dạy bằng tiếng Anh tại Đại học Indiana tại Indianapolis (IUPUI), bang Indiana, Hoa Kỳ

Từ tháng, năm 06,2013 đến tháng, năm 07,2013: Giảng viên mời (Maitre de Conférence invité) tại Đại học Lorraine

Chức vụ hiện nay: Giảng viên, Trưởng Phòng Thí nghiệm; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Phòng Thí nghiệm
Khoa học Dữ liệu, Khoa Toán-Cơ-Tin học

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438581135

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Quốc tế Pháp ngữ (IFI), ĐH Quốc gia Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường
ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 25 tháng 06 năm 2002, số văn bằng: QC 006613, ngành: Toán-Tin ứng dụng,
chuyên ngành: Toán-Tin ứng dụng; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên,
ĐHQG Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 18 tháng 08 năm 2009, số văn bằng: 000141, ngành: Tin học,
chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 18 tháng 02 năm 2011, số văn bằng: Nancy2 8489269, ngành: Tin học,
chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Nancy 2, Cộng hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại
học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các mô hình học máy thống kê, văn phạm và ngôn ngữ hình thức trong xử lý ngôn ngữ tự nhiên;
- Các phương pháp nâng cao độ chính xác của các tác vụ xử lý tiếng Việt cơ bản và ứng dụng;
- Các thuật toán học tự động trong xử lý đa ngôn ngữ dựa trên các tập dữ liệu lớn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức
danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 41 bài báo khoa học, trong đó 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc
tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi đã công tác tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội trong 20 năm tính từ tháng 8/2002 đến nay. Quá trình 20 năm công tác tại Trường của tôi bị gián đoạn 5 năm từ tháng 9/2006 đến tháng 8/2011 do trong thời gian đó tôi là nghiên cứu sinh và thực tập sau tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp. Ngoài ra, tôi có một số thời gian đi thực tập và giảng dạy ngắn hạn tại Hoa Kỳ và Pháp.

Trong 15 năm trực tiếp làm việc tại Trường, tôi đã tham gia công tác giảng dạy và đào tạo toàn thời gian, đã làm công tác giáo viên chủ nhiệm trong nhiều năm. Trong quá trình giảng dạy và đào tạo, tôi luôn hoàn thành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo. Tôi luôn nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy cũng như đào tạo; có thái độ, đạo đức tốt và lối sống đúng mực.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 15 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2015-2016	1		3	1	255	90	345/340/270
2	2017-2018	1				200	90	290/287/270
3	2018-2019	1			1	326	90	416/404/270
03 năm học cuối								
4	2019-2020			2	1	353	135	488/476/270
5	2020-2021			1	1	484	90	574/502/270
6	2021-2022			1	2	448		448/484/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Giảng dạy bằng tiếng Anh tại Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN; Giảng dạy bằng tiếng Pháp tại Đại học Lorraine, Nancy, Pháp và Viện Quốc tế Pháp ngữ, ĐHQGHN

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): English and Teaching Methodology, School of Liberal Arts, Indiana University

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Lương	X		X		03/2014 đến 12/2019	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội	22/12/2020
2	Nguyễn Việt Hùng		X	X		04/2014 đến 10/2015	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội	28/03/2016
3	Ngô Thế Quyền		X	X		04/2014 đến 10/2015	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội	28/03/2016

4	Hà Mỹ Linh		X	X		04/2014 đến 10/2015	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội	28/03/2016
---	------------	--	---	---	--	------------------------	--	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Các mô hình xác suất phân tích ngữ nghĩa ẩn trong các tập dữ liệu lớn	CN	QG.15.04, cấp Bộ	10/02/2015 đến 10/12/2017	04/01/2018, Đạt
2	Một số thuật toán học tự động không có hướng dẫn và ứng dụng trong xử lý ngôn ngữ tự nhiên	CN	TN-12-02, cấp Cơ sở	26/03/2012 đến 26/03/2014	11/04/2014, Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Trích rút tự động văn phạm LTAG cho tiếng Việt	4	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	8	26, 2, 153-172	06/2010
2	A lexicalized tree- adjoining grammar for Vietnamese	4	Có	Proceedings of the 5th International Conference on Language Resources and Evaluation (LREC 2006), Genoa, Italy	- Scopus		2200-2205	06/2006

3	A metagrammar for Vietnamese LTAG	3	Có	Proceedings of the 9th International Workshop on Tree Adjoining Grammar and Related Frameworks (TAG+9), Tübingen, Germany	- Scopus	3	129-232	06/2008
4	Word segmentation of Vietnamese texts: a comparison of approaches	6	Không	Proceedings of the 6th International Conference on Language Resources and Evaluation (LREC 2008), Marrakech, Morocco	- Scopus	28	1933-1936	05/2008
5	A hybrid approach to word segmentation of Vietnamese texts	4	Có	Proceedings of the 2nd International Conference on Language and Automata Theory and Applications, Tarragona, Spain	- Scopus	190	LNCS 5196 240-249	03/2008
6	Building a large syntactically-annotated corpus for Vietnamese	5	Không	Proceedings of the 3rd Linguistic Annotation Workshop (LAW3), Singapore	- Scopus	101	182-185	08/2009
7	Finite-state description of Vietnamese reduplication	3	Có	Proceedings of the 7th Workshop on Asian Language Resources (ALR7), Singapore	- Scopus	7	63-69	08/2009

8	An empirical study of maximum entropy approach for part-of-speech tagging of Vietnamese texts	4	Có	Actes du Traitement Automatique du Langage Naturel (TALN 2010), Montreal, Canada	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	66	351-362	07/2010
9	Xây dựng sơ đồ mã hóa và công cụ trợ giúp gán nhãn cú pháp tiếng Việt	4	Không	Kỷ yếu Hội thảo ICT.rda'08, Hà Nội	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		275-281	08/2008
10	Sử dụng bộ gán nhãn từ loại xác suất QTAG cho văn bản tiếng Việt	3	Không	Kỷ yếu Hội thảo ICT.rda'03, Hà Nội	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	8	1-11	02/2003
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
11	Diacritics generation and application in hate speech detection on Vietnamese social networks	1	Có	Knowledge-Based Systems	1 - SCI <i>IF: 8.04, Q1</i>	1	233 1-15	12/2021

12	A combined syntactic-semantic embedding model based on lexicalized tree-adjoining grammar	2	Có	Computer Speech & Language	2 - SCI <i>IF: 1.90, Q2</i>		68, 1, 1-12	07/2021
13	Using BiLSTM in dependency parsing for Vietnamese	4	Không	Computación y Systemas	13 - Scopus <i>IF: 0.23, Q3</i>	1	22, 3, 853-862	09/2018
14	Content-based approach for Vietnamese spam SMS filtering	2	Không	International Journal of Asian Language Processing	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	6	27, 1, 33-45	03/2017
15	A syntactic component for Vietnamese language processing	3	Có	Journal of Language Modelling	5 - Scopus <i>IF: 0.14, Q3</i>	8	3, 1, 148-184	06/2015
16	Vietnamese semantic role labelling	6	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	33, 2, 39-58	11/2017

17	Nghiên cứu từ vựng tiếng Việt với hệ thống Sketch Engine	5	Không	Journal of Computer Science and Cybernetics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		27, 3, 206-218	09/2011
18	Vietnamese parsing with an automatically extracted tree- adjoining grammar	3	Có	Proceedings of the 9th IEEE RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF), HCM City, Vietnam	- Scopus	15	1-6	02/2012
19	Building a treebank for Vietnamese dependency parsing	5	Không	Proceedings of the 10th IEEE RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2013), Hanoi, Vietnam	- Scopus	30	147-151	11/2013
20	On the effect of the label bias problem in part-of- speech tagging	3	Có	Proceedings of the 10th IEEE RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2013), Hanoi, Vietnam	- Scopus	5	103-108	11/2013

21	Part-of-speech induction for Vietnamese	2	Có	Proceedings of the 5th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2013), Hanoi, Vietnam	- Scopus	2	AISC 245 261-272	10/2013
22	Using dependency analysis to improve question classification	3	Có	Proceedings of the 6th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2014), Hanoi, Vietnam	- Scopus	25	AISC 326 653-665	10/2014
23	Building a semantic role labeling system for Vietnamese	3	Không	Proceedings of the 10th International Conference on Digital Information Management (ICDIM 2015), Jeju, Korea	- Scopus	7	77-84	10/2015
24	Improving Vietnamese dependency parsing using distributed word representations	3	Không	Proceedings of the 6th International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2015), Hanoi, Vietnam	- Scopus	9	54-60	12/2015

25	Fast dependency parsing using distributed word representations	4	Có	Proceedings of the PAKDD Workshop 2015, Nha Trang, Vietnam	- Scopus	11	LNAI 9441 261-272	05/2015
26	Vietnamese named entity recognition using token regular expressions and bidirectional inference	1	Có	Proceedings of Vietnamese Speech and Language Processing Workshop 2016: Evaluation Campaign, Hanoi, Vietnam	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	15	9-13	11/2016
27	The importance of automatic syntactic features in Vietnamese named entity recognition	2	Không	Proceedings of the 31st Pacific Asia Conference on Language, Information and Computation (PACLIC 2017), Cebu, Phillippines	- Scopus	13	97-103	11/2017
28	NNVLP: A neural network-based Vietnamese language processing toolkit	4	Không	Proceedings of the IJCNLP 2017, System Demonstrations, Taipei, Taiwan	- Scopus	21	37-40	11/2017

29	An empirical study of discriminative sequence labeling models for Vietnamese text processing	5	Có	Proceedings of the 9th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2017), Hue, Vietnam	- Scopus	5	88-93	10/2017
30	On the use of machine translation-based approaches for Vietnamese diacritic restoration	3	Không	Proceedings of the International Conference on Asian Language Processing (IALP), Singapore	- Scopus	13	272-275	12/2017
31	End-to-end recurrent neural network models for Vietnamese named entity recognition: word-level vs. character-level	2	Không	Proceedings of the International Conference of the Pacific Association for Computational Linguistics (PACLING 2017), Yangon, Myanmar	- Scopus	54	CCIS 781 219-232	08/2017
32	Building Vietnamese linguistic resources for social network text analysis	3	Không	Proceedings of the 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2018), Ho Chi Minh City, Vietnam	- Scopus		354-356	11/2018

33	A comparative study of neural network models for sentence classification	2	Có	Proceedings of the 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2018), Ho Chi Minh City, Vietnam	- Scopus	12	360-365	11/2018
34	A factoid question answering system for Vietnamese	2	Có	Proceedings of the Web Conference Companion (WWW 2018), Lyon, France	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	17	1049-1055	04/2018
35	Online adaptation of language models for speech recognition	3	Có	Proceedings of the International Conference on Computer Recognition Systems (CORES 2019)	- Scopus	1	AISC 977 164-173	05/2019
36	An experimental study on constituency parsing for Vietnamese	2	Không	Proceedings of the 16th International Conference of the Pacific Association for Computational Linguistics (PACLING 2019)	- Scopus	1	CCIS 1215 360-373	10/2019
37	Towards task-oriented dialogue in mixed domains	2	Không	Proceedings of the 16th International Conference of the Pacific Association for Computational Linguistics (PACLING 2019)	- Scopus		CCIS 1215 257-266	10/2019

38	Improving sequence tagging for Vietnamese text using transformer-based neural models	3	Không	Proceedings of the 34th Pacific Asia Conference on Language, Information and Computation (PACLIC 2020), Hanoi, Vietnam	- Scopus	1	13-30	10/2020
39	Cross-lingual extended named entity classification of Wikipedia articles	2	Không	Proceedings of the 15th NTCIR Conference on Evaluation of Information Access Technologies (NTCIR-15), Tokyo, Japan	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	182-186	12/2020
40	Using distributed word representations in graph-based dependency parsing for Vietnamese	4	Không	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ 9 về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR), Cần Thơ	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		804-810	08/2016
41	Xây dựng kho ngữ liệu mẫu có gán nhãn vai nghĩa cho tiếng Việt	6	Không	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVII: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Đắk Lắk	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		409-414	10/2014

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà U.V là tác giả chính sau PGS/TS: 3 ([11] [12] [15])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Bằng độc quyền sáng chế số 20428 Quy trình xác định tên miền độc hại	Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ	02/01/2019	Vũ Công Thành, Lê Hồng Phương, Nguyễn Minh Đức	3

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)